

Bản án số: 65/2024/HS-ST
Ngày 26-03-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Luyện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Ngôn

Ông Nguyễn Đức Hiền

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đình - Kiểm sát viên.

Ngày 26/3/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2024/QĐXXST-HS ngày 07/03/2024 đối với:

- Các bị cáo:

1. Nguyễn Anh T, sinh năm 1982 tại huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Tạ Thị H1 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 18/11/2023 đến ngày 24/11/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cầm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại; có mặt.

2. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1987 tại huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Tạ Thị P; có vợ Bùi Thị H2 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 18/11/2023 đến ngày 24/11/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cầm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại; có mặt.

- Bị hại: Công ty TNHH V. Địa chỉ: Khu công nghiệp V, thị xã Việt Y, tỉnh Bắc Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Anh Đinh Ngọc G, sinh năm 1989; địa chỉ: Phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1990. Nơi ĐKTT: Thôn Y, xã X, huyện S, Thành phố Hà Nội; chỗ ở: Thôn N, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

2. Anh Bùi Thế L, sinh năm 1973. Địa chỉ: thôn Đ, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Anh T và Nguyễn Văn Q, cùng làm công nhân tổ sửa chữa bộ phận động lực của Công ty TNHH V thuộc Khu Công nghiệp V, huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Bắc Giang, có nhiệm vụ khắc phục, sửa chữa khi các bộ phận báo hỏng (sửa hàng rào, mái tôn, nhà vệ sinh, sơn tường,...). Ngày 21/10/2023, trong quá trình làm việc tại xưởng G2 của Công ty, T thấy có 01 thùng gỗ để ở vị trí cuối hành lang cách kho để đồ của Công ty khoảng 10m bên trong có chứa nhiều cuộn dây cáp điện nên đã nảy sinh ý định trộm cắp số cuộn dây cáp điện trên bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Ngày 22/10/2023, trong quá trình làm việc, T đã nói cho Q biết và rủ Q cùng trộm cắp số cuộn dây điện trên bán lấy tiền chi tiêu cá nhân và được Q đồng ý. Khoảng 18 giờ cùng ngày 22/10/2023, sau khi làm việc xong T và Q về kho xưởng G2 cất đồ, rồi đi đến khu vực thùng gỗ để số cuộn dây cáp điện trên, quan sát xung quanh thấy không có ai, T mở nắp thùng gỗ thấy bên trong có 05 cuộn dây cáp điện và 02 bao tải đựng các cuộn dây cáp điện. Thấy vậy, T và Q lấy toàn bộ số cuộn dây cáp điện trên mang vào kho tại xưởng G2 của công ty. Lúc này, T và Q kiểm tra thì thấy có 25 cuộn dây cáp điện, loại dây đơn có vỏ dây màu xanh và màu đỏ, các cuộn đều còn mới, chưa gắn đầu nối, được bọc cách điện bằng plastic, loại GB-BV-450/750, điện áp 0,6x1kv, quy cách 1x2,5mm nhập khẩu từ Trung Quốc. T và Q cùng nhau lấy các thùng cattong (loại vỏ thùng đựng nước muối khoáng do Công ty cấp cho công nhân uống khi làm việc) có sẵn trong kho xưởng G2 rồi cho 25 cuộn dây cáp điện trộm cắp được vào 04 thùng cattong này. Sau đó, T và Q cùng xếp 04 thùng cattong đựng số dây cáp điện trộm cắp được lên xe kéo và xếp 02 thùng nước chanh muối lên trên để che dấu rồi cùng kéo các thùng trên để vào cốp xe ô tô nhãn hiệu Hyundai I10 biển số 98A-37847 của Q đỗ ở cổng Công ty để cất giấu. Sau đó, T và Q quay lại xưởng làm việc như bình thường. Khoảng 08 giờ cùng ngày 23/10/2023, sau khi tan làm Q điều khiển xe ô tô chở số cuộn dây cáp điện trộm cắp được đến khu vực xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang bán cho anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1990, trú tại xã X, huyện S, Thành phố Hà Nội toàn bộ số cuộn dây cáp điện trộm cắp được với giá 3.700.000 đồng, rồi điều khiển xe ô tô đi đến nhà T. Khi T đi về đến nhà, Q gọi T ra rồi đưa cho T

số tiền 1.300.000 đồng, Q giữ lại 2.400.000 đồng; số tiền này T và Q đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 17/11/2023, Công ty TNHH V tiến hành kiểm kê hàng hoá tại xưởng G2 của Công ty thì phát hiện bị mất trộm 210 cuộn dây cáp điện loại dây đơn có vỏ dây màu xanh và màu đỏ, các cuộn đều còn mới, chưa gắn đầu nối, được bọc cách điện bằng plastic, loại GB-BV-450/750, điện áp 0,6x1kv, quy cách 1x2,5mm nhập khẩu từ Trung Quốc có tổng trị giá khoảng 130.000.000 đồng nên đã trình báo đến Đoàn Công an Q2, huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Bắc Giang.

Ngày 18/10/2023, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên Nguyễn Văn Q, Nguyễn Anh T đã đến Đoàn Công an Q2 đầu thú, khai nhận về hành vi phạm tội. Quá trình đầu thú Nguyễn Văn Q giao nộp: 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai I10 biển số 98A-37847, 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, 01 giấy chứng nhận kiểm định số 5840065 của xe ô tô 98A-378.47.

Ngày 22/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V (nay là thị xã V) xác định giá trị đối với 25 cuộn dây cáp điện các đối tượng đã trộm cắp. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 209/KL-HĐĐGTS ngày 22/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện V (nay là thị xã V) kết luận: 01 cuộn dây cáp điện, chưa gắn đầu nối, bọc cách điện bằng plastic, loại GBV -0V (0,6-1kv), điện áp 0,6x1kv (quy cách 1x2,5mm), xuất xứ nhập khẩu từ Trung Quốc có giá trị 1.010.000 đồng. 25 cuộn dây cáp điện, chưa gắn đầu nối, bọc cách điện bằng plastic, loại GBV -0V (0,6-1kv), điện áp 0,6x1kv (quy cách 1x2,5mm), xuất xứ nhập khẩu từ Trung Quốc, có giá trị 25.250.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 56/CT-VKS ngày 14/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên (nay là thị xã V) truy tố bị cáo Nguyễn Anh T và Nguyễn Văn Q về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng nêu.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử : Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt Nguyễn Anh T từ 14 tháng đến 16 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 28 đến 32 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Nguyễn Văn Q từ 12 tháng đến 14 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 24 đến 28 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Anh T, Nguyễn Văn Q cho UBND xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 587 Điều 589, Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Anh T phải bồi thường cho công ty V1 số tiền là 12.500.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn Q phải bồi thường cho công ty V1 số tiền là 12.750.000 đồng (xác nhận bị cáo T và Q đã bồi thường xong).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 .

Bị cáo Nguyễn Anh T và Nguyễn Văn Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo T, Q xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Anh T và Nguyễn Văn Q đã hoàn toàn khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 22/10/2023 tại xưởng G2 của Công ty TNHH V thuộc Khu công nghiệp V, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Anh T, Nguyễn Văn Q đã có hành vi trộm cắp 25 cuộn dây cáp điện, loại dây đơn có vỏ dây màu xanh và màu đỏ, các cuộn đều còn mới, chưa gắn đầu nối, được bọc cách điện bằng plastic, loại GB-BV-450/750, điện áp 0,6x1kv, quy cách 1x2,5mm nhập khẩu từ Trung Quốc, có tổng giá trị 25.250.000 đồng của Công ty TNHH V.

[3] Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đủ độ tuổi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nên đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*", như vậy bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Anh T và Nguyễn Văn Q về tội "*Trộm cắp tài sản*" khoản 1 Điều 173, Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp.

[5] Về vai trò của các bị cáo: Các bị cáo phạm tội đồng phạm giản đơn không có sự phân công phối hợp giữa các bị cáo, giữ vai trò đầu là bị cáo Nguyễn Anh T bị cáo rủ rê Nguyễn Văn Q thực hiện hành vi phạm tội, tiếp theo là Nguyễn Văn Q, khi được T rủ rê đã tích cực cùng T thực hiện hành vi trộm cắp và mang tài sản đi tiêu thụ.

[6] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

[7] Về nhân thân: Các bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; hai bị cáo đã nộp tiền khắc phục hậu quả sau và sau khi phạm tội đã đầu thú nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; “*Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”, “*Người phạm tội tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả*” và “*Đầu thú*” quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

[10] Từ những phân tích trên hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo nhân thân tốt lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng nên khi lượng hình xét thấy không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[11] Về hình phạt bổ sung: Hai bị cáo không nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[12] Về xử lý vật chứng: Đối với 25 cuộn dây cáp điện các bị can trộm cắp được, Q1 đã bán cho anh Nguyễn Văn D, sau đó anh D đã bán cho một người không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra đã truy tìm vật chứng nhưng đến nay chưa thu giữ được.

[13]Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Huyndai I10 màu đỏ, biển số 98A- 378.47; 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và Giấy chứng nhận kiểm định số 5840065 của xe ô tô 98A- 378.47; là tài sản của anh Bùi Thế L, sinh năm 1973, trú tại thôn Đ, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (anh rể của Q1) cho bị cáo Q1 mượn để làm phương tiện đi lại; anh L không biết Q1 sử dụng xe ô tô vào việc phạm tội. Ngày 06/02/2024, Viện kiểm sát đã trả lại xe ô tô và giấy chứng nhận kiểm định cho anh Bùi Thế L.

[14] Trách nhiệm dân sự: Phía đại diện theo ủy quyền của bị hại đề nghị buộc các bị cáo bồi thường theo quy định của pháp luật: Hội đồng xét xử thấy rằng tài sản các bị cáo trộm cắp hiện không thu hồi được. Căn cứ kết luận định giá tài sản xác định giá trị 25 cuộn dây cáp điện, loại dây đơn có vỏ dây màu xanh và màu đỏ, các cuộn đều còn mới, chưa gắn đầu nối, được bọc cách điện bằng plastic, loại GB-BV-450/750, điện áp 0,6x1kv, quy cách 1x2,5mm nhập khẩu từ Trung Quốc, có tổng giá trị 25.250.000 đồng, do đó cần buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho công ty V1 số tiền là 25.250.000 đồng là phù hợp với các Điều 584, Điều 585, Điều 587 Điều 589, Bộ luật Dân sự năm 2015. Các bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả xong, cụ thể: Bị cáo Nguyễn Văn Q đã bồi thường số tiền là 12.750.000 đồng

bị cáo Nguyễn Anh T đã bồi thường số tiền là 12.500.000 đồng (các bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã Việt Yên).

[15] Về án phí: Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[16] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[17] Công ty TNHH V khai qua kiểm kê hàng hoá tại xưởng G2 Công ty phát hiện bị mất trộm 210 cuộn dây cáp điện loại dây đơn có vỏ dây màu xanh và màu đỏ, các cuộn đều còn mới, chưa gắn đầu nối, được bọc cách điện bằng plastic, loại GB-BV-450/750, điện áp 0,6x1kv, quy cách 1x2,5mm nhập khẩu từ Trung Quốc có tổng trị giá khoảng 130.000.000 đồng. Quá trình điều tra Q và T khai nhận các bị cáo chỉ trộm cắp 25 cuộn dây cáp điện trên. Ngoài ra, các bị cáo không trộm cắp tài sản nào khác của Công ty. Do có mâu thuẫn về số tài sản trộm cắp nên trong các ngày 21/12/2023 và ngày 04/01/2024, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho các bị cáo đối chất với người đại diện bị hại nhưng các bên giữ nguyên lời khai. Ngoài lời khai của người đại diện theo ủy quyền của công ty ra không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc các bị cáo trộm cắp 210 cuộn dây cáp điện như trình bày của công ty nên không có căn cứ để xác định T và Q đã trộm cắp số tài sản như Công ty TNHH V trình báo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Anh T 01 năm 02 tháng tù cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*”, thời gian thử thách là 02 năm 04 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Nguyễn Văn Q 01 năm tù cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*”, thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Anh T, Nguyễn Văn Q cho UBND xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 587 Điều 589, Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Anh T và Nguyễn Văn Q phải bồi thường cho công ty V1 số tiền là 25.250.000 đồng trong đó Nguyễn Anh T phải

bồi thường là 12.500.000 đồng; Nguyễn Văn Q phải bồi thường là 12.750.000 đồng (xác nhận bị cáo Nguyễn Anh T và Nguyễn Văn Q đã bồi thường xong); Công ty TNHH V1 được nhận lại số tiền 25.250.000 đồng tại Chi cục Thi hành án thị xã Việt Yên theo các biên lai thu số: 0001605, 0001604, 0001603, ngày 20/03/2024.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Anh T, Nguyễn Văn Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Sở Tư pháp;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bắc Giang;
- Công an thị xã Việt Yên (CQCSĐT+ CQTHAHS);
- Chi cục thi hành án DS thị xã Việt Yên;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Luyện